



Flashcardo.com

Toivomme, että nämä tulostettavat muistipelikortit ovat sinulle hyödyllisiä. Löydät vielä enemmän muistipelikorttituotteita verkkosivuiltamme www.flashcardo.com/fi. Flashcardo.com-sivustolla tarjoamme verkkokortteja, toistoväliin perustuvia muistipelikortteja, videomuistipelikortteja ja paljon muuta. Kaikki ilmaiseksi ja valmiina käytettäväksi oppijoiden ympäri maailmaa.

Tekijänoikeus, lisenssihuomautukset

Tämä PDF on suojattu tekijänoikeuslain nojalla ja kaikki oikeudet pidätetään. Saat jakaa tätä PDF-tiedostoa vapaasti kenelle tahansa. Et kuitenkaan saa myydä tätä PDF:ää tai sen sisältöä. Jos sinulla on kysyttävää, käy osoitteessa www.flashcardo.com/fi ottaaksesi meihin yhteyttä. Kiitos!

Vastuuvapauslauseke

TÄMÄ PDF TARJOTAAN "SELLAISENAAN" ILMAN MITÄÄN TAKUUTA, ILMOITETTUA TAI OLETETTUA, MUKAAN LUKIEN MUTTA EI RAJOITTUEN TAKUUSEEN KAUPALLISESTA HYÖDYNNETTÄVYYDESTÄ, SOPIVUUDESTA TIETTYYN TARKOITUKSEEN JA OIKEUKSIEN LOUKKAAMATTOMUUDESTA. MISSÄÄN TAPAUKSESSA TEKIJÄT TAI TEKIJÄNOIKEUDEN HALTIJAT EIVÄT OLE VASTUUSSA MISTÄÄN VAATEISTA, VAHINGOISTA TAI MUISTA VASTUUISTA, OLIKYSEESSÄ SITTEN SOPIMUS, OIKEUDENVASTAINEN TEKO TAI MUU, JOTKA JOHTUVAT TÄSTÄ PDF:Ä TAI SEN KÄYTÖSTÄ TAI MUISTA TOIMISTA PDF YHTEYDESSÄ.

Tekijänoikeus © 2025 Flashcardo.com. Kaikki oikeudet pidätetään

Perusteet

minä

sinä

hän
miespuolinen

tôi

bạn

anh ấy

hän
naispuolinen

se

me

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

te

he

mikä

các bạn

họ

cái gì

kuka

missä

miksi

ai

ở đâu

tại sao

miten

làm sao

kumpi

cái nào

milloin

lúc nào

sitten

sau đó

jos

nếu

todella

thật sự

mutta

nhưng

koska

bởi vì

ei

không

tämä

này

että

đó

kaikki

tất cả

tai

hoặc

ja

và

täällä

đây

siellä

đó

vasen

trái

oikea
suunta

phải

nyt

bây giờ

iltapäivä

buổi chiều

aamu
9:00-11:00

buổi sáng

yö

ban đêm

aamu
6:00-9:00

buổi sáng

ilta

buổi tối

keskipäivä

buổi trưa

keskiyö

nửa đêm

tunti

giờ

minuutti

phút

sekunti

giây

päivä

ngày

viikko

tuần

kuukausi

tháng

vuosi

năm

eilen

hôm qua

tänään

hôm nay

huomenna

ngày mai

maanantai

tiistai

keskiviikko

thứ hai

thứ ba

thứ tư

torstai

perjantai

lauantai

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

sunnuntai

nainen

mies

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

rakkaus

poikaystävä

tyttöystävä

tình yêu

bạn trai

bạn gái

ystävä

suudelma

seksi

bạn

hôn

tình dục

lapsi

tyttö

poika
lapsi

trẻ em

con gái

con trai

äiskä

iskä

äiti
yleinen

mẹ

ba

má

isä
yleinen

vanhemmat

poika
vanhemmat

cha

cha mẹ

con trai

tytär

con gái

pikkusisko

em gái

pikkuveli

em trai

isosisko

chị gái

isoveli

anh trai

aviomies

chồng

vaimo

vợ

jokainen
kaikki

mỗi / mọi

aina

luôn luôn

oikeastaan

thực ra

uudelleen

lần nữa

jo

đã

vähemmän

ít hơn

eniten

phần lớn

lisää

nhiều hơn

ei yhtään

không có

erittäin

rất

ulkona

ở ngoài

sisällä

ở trong

kaukana

xa

lähellä

gần

alla

bên dưới

yllä

bên trên

vieressä

bên cạnh

edessä

phía trước

takana

phía sau

jokainen
ihmisen

mọi người

yhdessä

cùng nhau

muut

khác

kevät

mùa xuân

kesä

mùa hè

syksy

mùa thu

talvi

mùa đông

tammikuu

tháng một

helmikuu

tháng hai

maaliskuu

tháng ba

huhtikuu

toukokuu

kesäkuu

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

heinäkuu

elokuu

syyskuu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

lokakuu

marraskuu

joulukuu

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

pohjoinen

itä

etelä

bắc

đông

nam

länsi

tây

usein

thường xuyên

heti

ngay lập tức

yhtäkkiä

đột ngột

vaikka

mặc dù

Numerot

0

không

1

một

2

hai

3

ba

4

bốn

5

năm

6

sáu

7

bảy

8

tám

9

chín

10

mười

11

mười một

12

mười hai

13

mười ba

14

mười bốn

15

mười năm

16

mười sáu

17

mười bảy

18

mười tám

19

mười chín

20

hai mươi

21

hai mươi một

22

hai mươi hai

26

hai mươi sáu

30

ba mươi

31

ba mươi mốt

33

ba mươi ba

37

ba mươi bảy

40

bốn mươi

41

bốn mươi mốt

44

bốn mươi bốn

48

bốn mươi tám

50

năm mươi

51

năm mươi mốt

55

năm mươi lăm

59

năm mươi chín

60

sáu mươi

61

sáu mươi mốt

62

sáu mươi hai

66

sáu mươi sáu

70

bảy mươi

71

bảy mươi mốt

73

bảy mươi ba

77

bảy mươi bảy

80

tám mươi

81

tám mươi mốt

84

tám mươi bốn

88

tám mươi tám

90

chín mươi

91

chín mươi mốt

95

chín mươi lăm

99

chín mươi chín

100

một trăm

101

một trăm linh một

105

một trăm linh năm

110

một trăm mười

151

một trăm năm mươi mốt

200

hai trăm

202

hai trăm linh hai

206

hai trăm linh sáu

220

hai trăm hai mươi

262

hai trăm sáu mươi hai

300

ba trăm

303

ba trăm linh ba

307

ba trăm linh bảy

330

ba trăm ba mươi

373

ba trăm bảy mươi ba

400

bốn trăm

404

bốn trăm linh bốn

408

bốn trăm linh tám

440

bốn trăm bốn mươi

484

bốn trăm tám mươi bốn

500

năm trăm

505

năm trăm linh năm

509

năm trăm linh chín

550

năm trăm năm mươi

595

năm trăm chín mươi lăm

600

sáu trăm

601

sáu trăm linh một

606

sáu trăm linh sáu

616

sáu trăm mười sáu

660

sáu trăm sáu mươi

700

bảy trăm

702

bảy trăm linh hai

707

bảy trăm linh bảy

727

bảy trăm hai mươi bảy

770

bảy trăm bảy mươi

800

tám trăm

803

tám trăm linh ba

808

tám trăm linh tám

838

tám trăm ba mươi tám

880

tám trăm tám mươi

900

chín trăm

904

chín trăm linh bốn

909

chín trăm linh chín

949

chín trăm bốn mươi chín

990

chín trăm chín mươi

1000

một nghìn

1001

một nghìn không trăm linh
một

1012

một nghìn không trăm mười
hai

1234

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

2000

hai nghìn

2002

hai nghìn không trăm linh hai

2023

hai nghìn không trăm hai
mười ba

2345

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

3000

ba nghìn

3003

ba nghìn không trăm linh ba

4000

bốn nghìn

4045

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

5000

năm nghìn

5678

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

6000

sáu nghìn

7000

bảy nghìn

7890

bảy nghìn tám trăm chín
mười

8000

tám nghìn

8901

tám nghìn chín trăm linh một

9000

chín nghìn

9090

chín nghìn không trăm chín
mười

10.000

mười nghìn

10.001

mười nghìn không trăm linh
một

20.020

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

30.300

ba mươi nghìn ba trăm

44.000

bốn mươi bốn nghìn

100.000

một trăm nghìn

500.000

năm trăm nghìn

1.000.000

một triệu

6.000.000

sáu triệu

10.000.000

mười triệu

70.000.000

bảy mươi triệu

100.000.000

một trăm triệu

800.000.000

tám trăm triệu

1.000.000.000

một tỷ

9.000.000.000

chín tỷ

10.000.000.000

mười tỷ

20.000.000.000

hai mươi tỷ

100.000.000.000

một trăm tỷ

300.000.000.000

ba trăm tỷ

1.000.000.000.000

một nghìn tỷ

Verbit

tietää

biết

ajatella

nghĩ

tulla

đến

laittaa

đặt

ottaa

lấy

löytää

tìm

kuunnella

nghe

työskennellä

làm việc

puhua

nói chuyện

antaa
yleinen

cho

tykätä

thích

auttaa

giúp đỡ

rakastaa

yêu

soittaa

gọi

odottaa

chờ đợi

seistä

đứng

istua

ngồi

sulkea

đóng

avata
ovi

mở

hävitä

thua

voittaa

thắng

kuolla

chết

elää

sống

laittaa päälle

bật

sammuttaa

tắt

tappaa

giết

vahingoittaa

làm bị thương

koskea

chạm

katsoa

xem

juoda

uống

syödä

ăn

kävellä

đi bộ

tavata

gặp

lyödä vetoa

đặt cược

suudella

hôn

seurata

đi theo

mennä naimisiin

cưới

vastata

trả lời

kysyä

hỏi

vetää

ovi

kéo

työntää

ovi

đẩy

painaa

ấn

lyödä

đánh

ottaa kiinni

bắt

tapella

chiến đấu

heittää

ném

juosta

chạy

lukea

đọc

kirjoittaa

viết

korjata

sửa chữa

laskea
1, 2, 3, ...

đếm

leikata

cắt

myydä

bán

ostaa

mua

maksaa

trả

opiskella

học

unelmoida

mơ

nukkua

ngủ

pelata

chơi

juhlia

ăn mừng

nauttia

thường thức

siivota

dọn dẹp

ampua

bắn

puolustaa

bảo vệ

hyökätä

tấn công

varastaa

trộm

polttaa

đốt

pelastaa

cứu

lentää

bay

sylkeä

khắc nhỏ

potkaista

đá

purra

cắn

hengittää

thở

haistaa

ngửi

itkeä

khóc

laulaa

hát

hymyllä

cười mỉm

nauraa

cười

kasvaa

lớn lên

kutistua

co lại

riidellä

tranh luận

jakaa

chia sẻ

ruokkia

cho ăn

piilottaa

trốn

varoittaa

cảnh báo

uida

bơi

hypätä

nhảy

nostaa

nâng

kaivaa

đào

toimittaa

giao hàng

etsiä

tìm kiếm

harjoitella

luyện tập

matkustaa

đi du lịch

maalata

vẽ

avata
lukko

mở

lukita

khóa

pestä

rửa

rukoilla

cầu nguyện

laittaa ruokaa

nấu ăn

oksentaa

nôn

huutaa

la hét

lainata

trích dẫn

tulostaa

in

laskea
 $1 + 2 = 3$

tính toán

ansaita

kiếm tiền

Adjektiivit

uusi

mới

vanha
tavara

cũ

harva

ít

moni

nhiều

väärä

sai

oikea
adjektiivi

chính xác

huono

xấu

hyvä

tốt

onnellinen

hạnh phúc

lyhyt
tie

ngắn

pitkä
tie

dài

pieni

nhỏ

iso

lớn

kaunis

xinh đẹp

nuori

trẻ

vanha
henkilö

già

valkoinen

màu trắng

musta

màu đen

punainen

màu đỏ

sininen

màu xanh da trời

vihreä

màu xanh lá cây

keltainen

màu vàng

hidas

chậm

nopea

nhanh

hauska

vui vẻ

epäreilu

không công bằng

reilu

công bằng

vaikea

khó

helppo

dễ

rikas

giàu

köyhä

nghèo

vahva

khỏe

heikko

yếu

turvallinen

an toàn

väsynyt

mệt mỏi

ylpeä

tự hào

kylläinen

no bụng

sairas

bệnh

terve

khỏe mạnh

vihainen

tức giận

matala
diagrammi

thấp

korkea

cao

makea

ngọt

hapan

chua

pehmeä

mềm

kova
tavara

cứng

suloinen

đáng yêu

tyhmä

ngu ngốc

hullu

điên khùng

kiireinen

bận rộn

pitkä
henkilö

cao

lyhyt
henkilö

thấp

huolestunut

lo lắng

yllättynyt

ngạc nhiên

kiltti

cư xử tốt

ilkeä

ác độc

nokkela

khéo léo

kylmä

lạnh

kuuma

nóng

oranssi

màu cam

harmaa

màu xám

ruskea

màu nâu

vaaleanpunainen

màu hồng

tylsä

nhàm chán

raskas

nặng

kevyt

nhẹ

yksinäinen

cô đơn

nälkäinen

đói bụng

janoinen

khát nước

surullinen

buồn

jyrkkä

dốc

tasainen

bằng phẳng

kapea

hẹp

leveä

rộng

syvä

sâu

matala
vesi

nông

valtava

lớn

likainen

bẩn

puhdas

sạch sẽ

täysi

đầy

tyhjä

trống rỗng

kallis

đắt

halpa

rẻ

seksikäs

quyến rũ

laiska

rohkea

antelias

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

märkä

kuiva

äänekäs

ướt

khô

ồn ào

hiljainen

aurinkoinen

sateinen

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sumuinen

pilvinen

sương mù

nhiều mây

Urheilu

voimistelu

thể dục dụng cụ

tennis

quần vợt

juoksu

chạy

pyöräily

đạp xe

golf

đánh golf

jalkapallo

bóng đá

koripallo

bóng rổ

uinti

bơi lội

sukellus

lặn

vaellus

đi bộ đường dài

maraton

chạy marathon

triathlon

ba môn phối hợp

pöytätennis

bóng bàn

painonnosto

cử tạ

nyrkkeily

quyền anh

sulkapallo

cầu lông

taitoluistelu

trượt băng nghệ thuật

lumilautailu

trượt ván tuyết

hiihto

trượt tuyết

maastohiihto

trượt tuyết băng đồng

jääkiekko

khúc côn cầu trên băng

lentopallo

bóng chuyền

käsipallo

bóng ném

rantalentopallo

bóng chuyền bãi biển

rugby

bóng rugby

kriketti

bóng gậy

pesäpallo

bóng chày

amerikkalainen jalkapallo

bóng bầu dục Mỹ

vesipallo

bóng nước

uimahypyt

nhảy cầu

surffaus

lướt sóng

purjehdus

đua thuyền buồm

soutu

chèo thuyền

jooga

yoga

tanssi

khiêu vũ

laskuvarjohyppy

nhảy dù

shakki

cờ vua

pokeri

đánh bài poker

keilaus

bowling

baletti

múa ba lê

Eläimet

sika

con lợn

lehmä

con bò

hevonen

con ngựa

koira

con chó

lammas

con cừu

apina

con khỉ

kissa

con mèo

karhu

con gấu

kana
eläin

con gà

ankka

con vịt

perhonen

con bướm

mehiläinen

con ong

kala
eläin

con cá

hämähäkki

con nhện

käärme

con rắn

tiikeri

con hổ

hiiri
eläin

con chuột

jänis

con thỏ

leijona

con sư tử

aasi

con lừa

norsu

con voi

kyyhkynen

con chim bồ câu

ötökkä

con bọ

hyttynen

con muỗi

kärpänen

con ruồi

muurahainen

con kiến

valas

con cá voi

hai

con cá mập

delfiini

con cá heo

etana

con ốc sên

sammakko

con ếch

panda

con gấu trúc

jääkarhu

con gấu Bắc cực

susi

con chó sói

koala

con gấu túi

kenguru

con chuột túi

kirahvi

con hươu cao cổ

kettu

con cáo

virtahepo

con hà mã

lepakko

con dơi

korppi

con quạ

joutsen

con thiên nga

lokki

con chim hải âu

pöllö

con cú

pingviini

con chim cánh cụt

papukaija

con vẹt

toukka

con sâu bướm

sudenkorento

con chuồn chuồn

kalmari

con mực ống

mustekala

con bạch tuộc

merihevonen

con cá ngựa

hylje

con hải cẩu

meduusa

con sứa

rapu

con cua

dinosaurus

con khủng long

kilpikonna

con rùa cạn

krokotiili

con cá sấu

Maat

Eurooppa

Châu Âu

Aasia

Châu Á

Amerikka

Châu Mỹ

Afrikka

Châu Phi

Yhdistynyt kuningaskunta

Vương quốc Anh

Espanja

Tây Ban Nha

Sveitsi

Thụy sĩ

Italia

Ý

Ranska

Pháp

Saksa

Đức

Thaimaa

Thái Lan

Singapore

Singapore

Venäjä

Nga

Japani

Nhật Bản

Israel

Israel

Intia

Ấn Độ

Kiina

Trung Quốc

Yhdysvallat

Hoa Kỳ

Meksiko

Mexico

Kanada

Canada

Chile

Chile

Brasilia

Brazil

Argentiina

Argentina

Etelä-Afrikka

Nam Phi

Nigeria

Nigeria

Marokko

Ma Rốc

Libya

Libya

Kenia

Kenya

Algeria

Algeria

Egypti

Ai Cập

Uusi Seelanti

New Zealand

Australia

Úc

Vartalo

pää

đầu

nenä

mũi

hius

tóc

suu

miệng

korva

tai

silmä

mắt

käsi

bàn tay

jalkaterä

bàn chân

sydän

tim

aivot

não

kaula

cổ

takapuoli

mông

olkapää

vai

polvi

đầu gối

jalka

chân

käsivarsi

tay

vatsa

bụng

rinta

ngực

selkä

lưng

hammas

răng

kieli

lưỡi

huuli

môi

sormi

ngón tay

varvas

ngón chân

mahalaukku

dạ dày

keuhko

phổi

maksa

gan

hermo

dây thần kinh

munuainen

thận

suoli

ruột

otsa

trán

leuka

cằm

poski

má

parta

râu

peukalo

ngón cái

pikkusormi

ngón tay út

nimetön

ngón tay đeo nhẫn

keskisormi

ngón tay giữa

etusormi

ngón tay trỏ

sormenkynsi

móng tay

kantapää

gót chân

selkäranka

xương sống

lihas

cơ bắp

luu
keho

xương

luuranko

bộ xương

kylkiluu

xương sườn

nikama

đốt sống

rakko

bàng quang

suoni

tĩnh mạch

valtimo

động mạch

vagina

âm đạo

sperma

tinh trùng

penis

dương vật

kives

tinh hoàn

Talo

ovi

cửa

keittiö

nhà bếp

kylpyhuone

phòng tắm

olohuone

phòng khách

makuuhuone

phòng ngủ

puutarha

vườn

autotalli

gara

seinä

tường

kellari

tầng hầm

WC
rakennus

nhà vệ sinh

portaati

cầu thang

katto

mái nhà

ikkuna
rakennus

cửa sổ

veitsi

dao

muki

tách

lasi

ly

lautanen

đĩa

kuppi

cốc

roskakori

thùng rác

kulho

tô

kirjoituspöytä

bàn

sänky

giường

peili

gương

suihku

vòi hoa sen

sohva

ghế sofa

valokuva

ảnh

kello

đồng hồ

pöytä

bàn

tuoli

ghế

naapuri

hàng xóm

hissi

thang máy

parveke

ban công

ullakko

gác xép

savupiippu

ống khói

puukauha

muỗng gỗ

syömäpuikko

đũa

ruokailuvälineet

bộ dao nĩa

lusikka

muỗng

haarukka

nĩa

kauha

cái vá

kattila

nồi

paistinpannu

chảo

hehkulamppu

bóng đèn

kirjahylly

giá sách

verho

rèm

patja

nệm

tyyny

gối

viltti

chăn

hylly

kệ

vetolaatikko

ngăn kéo

vaatekaappi

tủ quần áo

ämpäri

xô

luuta

chổi

vaaka

cái cân

pyykkikori

giỏ đựng đồ giặt

kylpyamme

bồn tắm

kylpyppyhe

khăn tắm

saippua

xà phòng

vessapaperi

giấy vệ sinh

pyyhe

khăn tắm

pesuallas

bồn rửa mặt

tikkaat

cái thang

postilaatikko

hộp thư

aita

hàng rào

Ruoka

muna

trứng

juusto

phô mai

maito

sữa

kala
ruoka

cá

liha

thịt

luu
ruoka

xương

öljy

dầu

leipä

bánh mì

sokeri

đường

suklaa

sô cô la

karkki

kẹo

kakku

bánh bông lan

vesi

nước

kahvi

cà phê

tee

trà

olut

bia

viini

rượu nho

salaatti

sa lát

keitto

súp

jälkiruoka

món tráng miệng

aamiainen

bữa ăn sáng

lounas

bữa trưa

päivällinen

bữa tối

pizza

pizza

jäätelö

kem

voi

bơ

jogurtti

sữa chua

tonnikala

cá ngừ

lohi

cá hồi

kinkku

giăm bông

pekoni

thịt ba rọi

makkara

xúc xích

kalkkuna

thịt gà tây

kana
ruoka

thịt gà

naudanliha

thịt bò

sianliha

thịt heo

lampaanliha

thịt cừu

kurpitsa

bí ngô

sieni

nấm

tryffeli

nấm cục

valkosipuli

tỏi

purjo

tỏi tây

inkivääri

gừng

munakoiso

cà tím

bataatti

khoai lang

porkkana

cà rốt

kurkku

dưa chuột

chili

ớt

paprika

ớt chuông

sipuli

củ hành

peruna

khoai tây

kukkakaali

bông cải trắng

kaali

bắp cải

parsakaali

bông cải xanh

lehtisalaatti

xà lách

pinaatti

rau chân vịt

bambu
ruoka

tre

maissi

ngô

selleri

cần tây

herne

đậu Hà Lan

papu

hạt đậu

päärynä

quả lê

omena

quả táo

oliivi

quả ô liu

viikuna

quả sung

taateli

quả chà là

kookospähkinä

quả dừa

manteli

quả hạnh nhân

hasselpähkinä

hạt phỉ

maapähkinä

đậu phộng

banaani

quả chuối

mango

quả xoài

kiivi

quả kiwi

avokado

quả bơ

ananas

quả dứa

vesimeloni

dưa hấu

viinirypäle

quả nho

sokerimeloni

dưa gang

vadelma

quả mâm xôi

mustikka

quả việt quất

mansikka

quả dâu tây

kirsikka

quả anh đào

luumu

quả mận

aprikoosi

quả mơ

persikka

sitruuna

greippi

quả đào

quả chanh

quả bưởi

appelsiini

tomaatti

minttu

quả cam

cà chua

bạc hà

sitruunaruoho

kaneli

vanilja

sả

quế

vani

suola

pippuri

curry

muối

tiêu

cà ri

tupakka

thuốc lá

tofu

đậu hũ

etikka

giấm

nuudeli

mì sợi

soijamaito

sữa đậu nành

jauho

bột mì

riisi

gạo

kaura

yến mạch

vehnä

lúa mì

soija

đậu nành

pähkinä

hạt

hunaja

mật ong

hillo

mút

purukumi

kẹo cao su

pannukakku

bánh kẹp

pikkuleipä

bánh quy

vanukas

bánh pudding

muffinssi

bánh muffin

donitsi

bánh rán vòng

energiajuoma

nước tăng lực

appelsiinimehu

nước cam

omenamehu

nước táo

pirtelö

sữa lắc

kokis

coca cola

kaakao

sô cô la nóng

cocktail

rượu cocktail

rommi

rượu rum

viski

rượu whisky

vodka

rượu vodka

ruokalista

thực đơn

merenelävä

hải sản

spagetti

mì Ý

sushi

sushi

popcorn

bắp rang bơ

sipsit

khoai tây lát mỏng

kanansiivet

cánh gà

ranskanperunat

khoai tây chiên

sinappi

mù tạt

majoneesi

sốt mayonnaise

ketsuppi

nước sốt cà chua

voileipä

bánh mì kẹp

nakkisämpylä

bánh mì kẹp xúc xích

purilainen

bánh burger

Koulu

kirja

sách

kirjasto

thư viện

kotitehtävät

bài tập về nhà

koe

bài thi

oppitunti

bài học

tiede

khoa học

historia

lịch sử

taide

nghệ thuật

kynä

cây bút

lyijykynä

bút chì

ensimmäinen

thứ nhất

toinen

thứ hai

kolmas

thứ ba

neljäs

thứ tư

tutkimus

nghiên cứu

aste

bằng cấp

urheilukenttä

sân thể thao

sanakirja

từ điển

lukukausi

học kì

vihko

sổ tay

geometria

hình học

politiikka

chính trị học

filosofia

triết học

taloustiede

kinh tế học

liikunta

giáo dục thể chất

biologia

sinh học

matematiikka

toán học

maantiede

địa lý

kirjallisuus

văn học

kemia

hóa học

fysiikka

vật lý

viivoitin

cái thước

kumi

cục tẩy

sakset

cái kéo

teippi

băng dính

liima

keo dán

kuulakärkikynä

bút bi

paperiliitin

kẹp giấy

3%

ba phần trăm

100%

một trăm phần trăm

0%

không phần trăm

kuutiometri

mét khối

neliometri

mét vuông

maili

dặm

metri

mét

millimetri

mi-li-mét

senttimetri

xen-ti-mét

desimetri

đề-xi-mét

pluslasku

phép cộng

vähennyslasku

phép trừ

kertolasku

phép nhân

jakolasku

phép chia

pinta

diện tích

tilavuus

thể tích

suorakulmio

hình chữ nhật

neliö
geometria

hình vuông

kolmio

tam giác

ympyrä

hình tròn

litra

lít

millilitra

mililít

tonni

kilogramma

gramma

tấn

kilôgam

gram

magneetti

mikroskooppi

suppilo

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

laboratorio

luento

phòng thí nghiệm

bài giảng

Luonto

tuhka

tro

tuli

lửa

timantti

kim cương

kuu

mặt trăng

aurinko

mặt trời

tähti

ngôi sao

planeetta

hành tinh

rannikko

bờ biển

järvi

hồ

metsä

rừng

aavikko

sa mạc

mäki

đồi núi

kivi
materiaali

đá

joki

con sông

laakso

thung lũng

vuori

núi

saari

đảo

valtameri

đại dương

meri

biển

jää

băng

lumi

tuyết

myrsky

bão táp

sade

mưa

tuuli

gió

puu

cây

ruoho

cỏ

ruusu

hoa hồng

kukka
kasvi

hoa

metalli

kim loại

maaperä

đất

laava

dung nham

kivihiili

than

hiekkä

cát

savi

đất sét

raketti

tên lửa

satelliitti

vệ tinh

galaksi

thiên hà

asteroidi

tiểu hành tinh

maanosa

lục địa

päiväntasaaja

đường Xích đạo

Etelänapa

Nam cực

Pohjoisnapa

Bắc cực

virta

sối

sademetsä

rừng nhiệt đới

luola

hang

vesiputous

thác nước

ranta

bờ biển

jäätikö

sông băng

maanjäristys

động đất

kraatteri

miệng núi lửa

tulivuori

núi lửa

ilmakehä

khí quyển

tulva

lũ lụt

sumu

sương mù

sateenkaari

cầu vồng

ukkonen

tiếng sấm

salama

tia chớp

ukonilma

cơn dông

lämpötila

nhiệt độ

taifuuni

bão nhiệt đới

hurrikaani

bão

pilvi

mây

haara

cành cây

lehti

lá cây

juuri

rễ cây

runko

thân cây

siemen

hạt giống

muovi

nhựa

hiilidioksidi

cacbon điôxít

atomi

nguyên tử

rauta

sắt

happi

ôxy

kulta

hopea

vàng

bạc

Liikenne

auto

xe hơi

bussi

xe buýt

juna

xe lửa

juna-asema

ga xe lửa

bussipysäkki

trạm dừng xe buýt

lentokone

máy bay

laiva

tàu

kuorma-auto

xe tải

polkupyörä

xe đạp

moottoripyörä

xe mô tô

taksi

xe taxi

liikennevalo

đèn giao thông

parkkipaikka

bãi đậu xe

tie

đường

akku

ắc quy

moottori
auto

động cơ

turvatyyny

túi khí

ohjauspyörä

vô-lăng

turvavyö

dây an toàn

rengas

lốp xe

tavaratila

cốp sau

lippuautomaatti

máy bán vé

lipunmyynti

phòng bán vé

metro

tàu điện ngầm

pikajuna

tàu cao tốc

veturi

đầu máy

raitiovaunu

xe điện

koulubussi

xe buýt trường học

pikkubussi

xe buýt nhỏ

lentokenttä

sân bay

lentoyhtiö

hãng hàng không

helikopteri

máy bay trực thăng

ensimmäinen luokka

hạng nhất

turistiluokka

hạng phổ thông

business-luokka

hạng thương gia

pelastusliivi

áo phao

kontti

công ten nơ

sukellusvene

tàu ngầm

risteilijä

tàu du lịch

konttilaiva

tàu chở hàng

jahti

du thuyền

lautta

phà

satama

hải cảng

pelastusvene

xuồng cứu sinh

tutka

ra đa

katuvalo

đèn đường

jalkakäytävä

vĩa hè

huoltoasema

trạm xăng

rakennustyömaa

công trường

suojatie

vạch qua đường

liikenneuhka

tắc đường

moottoritie

đường cao tốc

tankki

xe tăng

kaivuri

máy xúc

traktori

máy kéo

perävaunu

rơ-moóc

skootteri

xe tay ga

köysirata

xe cáp treo

Kaupunki

sairaala

bệnh viện

koulu

trường học

talo

nhà ở

lasku

hóa đơn

markkinat

chợ

ruokakauppa

siêu thị

huoneisto

căn hộ

yliopisto

trường đại học

maatila

nông trại

kirkko

nhà thờ

ravintola

nhà hàng

baari

quán bar

kuntosali

phòng thể dục

puisto

công viên

WC
julkinen

nhà vệ sinh

kartta

bản đồ

ambulanssi

xe cứu thương

poliisi
valtiohallan organisaatio

cảnh sát

palomiehet

lính cứu hỏa

valtio

quốc gia

lähiö

ngoại ô

kylä

ngôi làng

takuu

bảo hành

ostoskeskus

trung tâm mua sắm

apteekki

tiệm thuốc

pilvenpiirtäjä

tòa nhà chọc trời

linna

lâu đài

suurlähetystö

đại sứ quán

synagoga

giáo đường Do Thái

temppeli

ngôi đền

tehdas

nhà máy

moskeija

nhà thờ Hồi giáo

kaupungintalo

tòa thị chính

postitoimisto

bưu điện

suihkulähde

đài phun nước

yökerho

câu lạc bộ đêm

penkki

băng ghế

golfkenttä

sân golf

jalkapallostadion

sân bóng đá

uima-allas
rakennus

hồ bơi

tenniskenttä

sân quần vợt

turisti-info

thông tin du lịch

kasino

sòng bạc

taidegalleria

phòng triển lãm nghệ thuật

museo

bảo tàng

kansallispuisto

công viên quốc gia

matkamuisto

quà lưu niệm

akvaario

thủy cung

vesiliukumäki

trượt nước

vuoristorata

tàu lượn siêu tốc

vesipuisto

công viên nước

eläintarha

vườn bách thú

leikkipuisto

sân chơi

hätäuloskäynti
rakennus

cửa thoát hiểm

palohälytys

chuông báo cháy

palosammutin

bình cứu hỏa

poliisiasema

đồn cảnh sát

osavaltio

tiểu bang

alue

khu vực

pääkaupunki

thủ đô

Sairaala

onnettomuus

tai nạn

potilas

bệnh nhân

leikkaus

phẫu thuật

pilleri

viên thuốc

kuume

sốt

yskä

ho

ensiapu

phòng cấp cứu

teho-osasto

khoa hồi sức tích cực

odotushuone

phòng chờ

aspiriini

thuốc aspirin

unilääke

thuốc ngủ

eräntymispäivä

ngày hết hạn

annostus

liều lượng

yskänlääke

si-rô ho

sivuvaikutus

tác dụng phụ

insuliini

insulin

jauhe

bột

kapseli

viên nhộng

vitamiini

vitamin

kipulääke

thuốc giảm đau

antibiootti

kháng sinh

bakteeri

vi khuẩn

virus

vi rút

sydänkohtaus

đau tim

ripuli

tiêu chảy

diabetes

tiểu đường

aivoinfarkti

đột quỵ

astma

hen suyễn

syöpä

ung thư

influenssa

cúm

hammassärky

đau răng

auringonpolttama

cháy nắng

kurkkukipu

viêm họng

vatsakipu

đau bụng

infektio

nhiễm trùng

allergia

dị ứng

kramppi

chuột rút

päänsärky

đau đầu

ruisku
työkalu

ống tiêm

kainalosauva

nạng

röntgenkuva

chụp X quang

ultraäänilaite

máy siêu âm

laastari

bó bột

pyörätuoli

xe lăn

kipsi

bó bột

pulssi

mạch

vahinko

chấn thương

hätä

cấp cứu

aivotärähdys

chấn động

palovamma

vết bỏng

murtuma

gãy xương

ehkäisypilleri

thuốc tránh thai

raskaustesti

thử thai

Työ

lääkäri

bác sĩ

sairaanhoitaja

y tá

poliisi
henkilö

cảnh sát

presidentti

tổng thống

kapteeni

thuyền trưởng

etsivä

thám tử

lentäjä

phi công

professori

giáo sư

opettaja

giáo viên

lakimies

luật sư

sihteeri

thư ký

avustaja

trợ lý

tuomari

thẩm phán

johtaja
osasto

quản lý

kokki

đầu bếp

taksikuski

tài xế taxi

bussikuski

tài xế xe buýt

malli

người mẫu

taiteilija

nghệ sĩ

pääministeri

thủ tướng

farmaseutti

dược sĩ

palomies

lính cứu hỏa

hammaslääkäri

nha sĩ

yrittäjä

doanh nhân

poliitikko

chính trị gia

ohjelmoija

lập trình viên

lentoemäntä

tiếp viên hàng không

tiedemies

nhà khoa học

lastentarhanopettaja

giáo viên mầm non

arkkitehti

kiến trúc sư

kirjanpitäjä

kế toán viên

konsultti

tư vấn viên

syyttäjä

công tố viên

toimitusjohtaja

tổng quản lý

henkivartija

vệ sĩ

vuokraisäntä

chủ nhà

tarjoilija

bồi bàn

vartija

nhân viên bảo vệ

sotilas

bộ đội

kalastaja

ngư dân

siivooja

nhân viên vệ sinh

putkimies

thợ sửa ống nước

sähköasentaja

thợ điện

maanviljelijä

nông dân

vastaanottovirkailija

lễ tân

postinkantaja

người đưa thư

myyjä

thu ngân

kampaaja

thợ làm tóc

kirjailija

tác giả

toimittaja
sanomalehti

nhà báo

valokuvaaja

nhiếp ảnh gia

hengenpelastaja

nhân viên cứu hộ

laulaja

ca sĩ

muusikko

nhạc sĩ

näyttelijä

diễn viên

toimittaja
TV

phóng viên

valmentaja

huấn luyện viên

erotuomari

trọng tài

Yritys

raha

tiền

toimisto

văn phòng

stressi

áp lực

vakuutus

bảo hiểm

henkilöstö

nhân viên

osasto

bộ phận

palkkaus

lương

osoite

địa chỉ

kirje

lá thư

puhelinnumero

số điện thoại

URL

url

sähköpostiosoite

địa chỉ email

verkkosivusto

trang mạng

sähköposti

thư điện tử

allekirjoitus

chữ ký

menetys

thua lỗ

voitto

lợi nhuận

asiakas

khách hàng

määrä

số tiền

luottokortti

thẻ tín dụng

salasana

mật khẩu

pankkiautomaatti

máy rút tiền

vero

thuế

kokoushuone

phòng họp

käyntikortti

đanh thiếp

IT

công nghệ thông tin

henkilöstöosasto

nhân sự

lakiasiaimosasto

bộ phận pháp lý

kirjanpito

kế toán

markkinointi

tiếp thị

myynti

bán hàng

kollega

đồng nghiệp

työnantaja

người sử dụng lao động

työntekijä

nhân viên

muistiinpano

chú thích

esittely

thuyết trình

kansio
paperi

bìa cứng

kumileimasin

con dấu cao su

projektori

máy chiếu

paketti
posti

bưu kiện

leima

con tem

kirjekuori

phong bì

selain

trình duyệt

investointi

đầu tư

pörssi

sàn giao dịch chứng khoán

seteli

tiền giấy

kolikko

tiền xu

korko

tiền lãi

laina

khoản vay

tilinumero

số tài khoản

pankkitili

tài khoản ngân hàng

Laitteet

puhelin

điện thoại

televisio

bộ tivi

kamera

máy ảnh

radio

đài radio

tuuletin

quạt

ilmastointilaite

máy điều hòa

kahvinkeitin

máy pha cà phê

leivänpaahdin

máy nướng bánh mì

pölynimuri

máy hút bụi

hiustenkuivain

máy sấy tóc

vedenkeitin

ấm đun nước

astianpesukone

máy rửa chén

liesi

bếp điện

uuni

lò nướng

mikroaaltouuni

lò vi sóng

jääkaappi

tủ lạnh

pesukone

máy giặt

kaukosäädin

điều khiển từ xa

kuuloke

tai nghe

hiiri
tietokone

chuột

näppäimistö

bàn phím

kovalevy

ổ cứng

USB-tikku

thanh USB

skanneri

máy quét

tulostin

máy in

näyttö

màn hình

kannettava tietokone

máy tính xách tay

robotti

rô bốt

kaiutin

loa

